

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2024/DS-ST

Ngày: 12/3/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Công Văn và ông Phan Phước Tân.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Trúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 259/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2024/QĐXXST - DS ngày 23 tháng 01 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 95/TB-TA ngày 20/02/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Anh T, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số nhà B, tổ A, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Đoàn Văn M, sinh năm: 1969; bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1966; cùng cư trú: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Bà T có mặt, ông M, bà P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 30 tháng 9 năm 2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Anh T trình bày:

Do quen biết ngày 16/02/2021 bà Lê Thị Anh T có cho ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị P vay số tiền 120.000.000 đồng, lãi suất 3% tương đương, 3.500.000 đồng/tháng, thỏa thuận vay tạm 03 tháng để làm thủ tục đáo hạn ngân hàng, khi vay có lập giấy ghi tên “Giấy chứng nhận ngày 16/02/2021”. Đến thời

hạn trả nợ thì ông M, bà P không thực hiện nghĩa vụ mà chỉ trả lãi suất được 06 tháng (đến tháng 08/2021) với số tiền là 21.000.000 đồng thì ngưng trả lãi. Bà T đã nhiều lần yêu cầu trả lãi và vốn gốc nhưng ông M, bà P không thực hiện việc trả nợ. Trong quá trình Tòa án giải quyết, ông M, bà P trả cho bà được 4.000.000 đồng, còn nợ lại 116.000.000 đồng. Nay, bà T yêu cầu Tòa án buộc ông M, bà P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 116.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm tính từ ngày 16/8/2021 đến khi xét xử. Bà đồng ý khấu trừ 21.000.000 đồng tiền lãi mà ông M, bà P đã đóng.

Đồng bị đơn ông Đoàn Văn M trình bày: Ông M thừa nhận vào ngày 16/02/2021, bà T có cho vợ chồng ông vay số tiền 120.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, mục đích vay tiền để có vốn thuê đất trồng sen, thời hạn vay đúng như lời bà T trình bày. Khi vay bà T có ghi biên bản cho ông và bà P ký tên vào. Ông xác định chữ ký và họ tên Đoàn Văn M, Nguyễn Thị P là chữ ký của ông và bà P. Sau khi vay ông và bà P đóng lãi cho bà T 06 tháng với số tiền là 21.000.000 đồng. Do làm sen thất mùa nên ông và bà P không đóng lãi tiếp cho bà T. Nay ông thừa nhận ông và bà P còn nợ bà T số tiền vốn gốc 120.000.000 đồng tiền lãi như lời bà T trình bày. Ông đồng ý cùng bà P liên đới trả vốn gốc nhưng xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và xin dứt phần tiền lãi.

Đồng bị đơn bà Nguyễn Thị Phí d đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình nên xem như bà từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Biên bản làm việc ngày 21/11/2023 được ông Nguyễn Chế L – Trưởng ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang cung cấp ông Đoàn Văn M, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1966; cùng cư trú: Tổ H, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang hiện vẫn còn đăng ký thường trú và có nhà tại địa phương. Tuy nhiên khi Tòa án đến nhà ghi lời khai thì ông M, bà P không có ở nhà do đi làm thuê ở xa.

Tại biên bản xác minh ngày 21/11/2023 được bà Võ Ánh T1 cung cấp: Ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 44/2003 ngày 02/12/2003.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, tài liệu Tòa án thu thập được đã được công bố tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung vụ án: Qua chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được công khai, kiểm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Buộc ông Đoàn Văn M, bà Nguyễn

Thị P có nghĩa vụ trả liên đới cho bà Lê Thị Anh T số tiền vốn gốc 116.000.000 đồng cùng lãi suất 20%/năm theo quy định của pháp luật và khấu trừ số tiền lãi 21.000.000 đồng mà bà T đã nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị Anh T khởi kiện yêu cầu ông Đoàn Văn M, bà Nguyễn Thị P trả nợ vay nên đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng bị đơn ông Đoàn Văn M, bà Nguyễn Thị P có địa chỉ tại huyện A, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lê Thị Anh T khởi kiện yêu cầu ông Đoàn Văn M, bà Nguyễn Thị P trả tiền vay còn nợ. Do đó, xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Do các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên không xem xét thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4] Về tư cách tham gia tố tụng: Trong vụ án này do bà T khởi kiện ông M, bà P nên xác định bà T là nguyên đơn, ông M, bà P là đồng bị đơn.

[1.5] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa nhưng ông Đoàn Văn M, bà Nguyễn Thị P vắng mặt không lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông M, bà P.

[2] Xét về nội dung vụ án:

Hợp đồng vay tài sản giữa các bên tuy không lập thành văn bản nhưng có lập tờ “Giấy chứng nhận ngày 16/02/2021” thể hiện được sự tự thỏa thuận với nhau trên nguyên tắc tự nguyện phù hợp với pháp luật nên xem là hợp đồng hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà Lê Thị Anh T khởi kiện yêu cầu ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị P trả số tiền vốn vay còn nợ là 116.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì bà T có cung cấp cho Tòa án “Giấy chứng nhận ngày 16/02/2021” do ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị P ký nhận, nội dung thể hiện ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị P có vay của bà T số tiền 120.000.000 đồng.

Từ khi nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho đến nay bà P không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Tuy nhiên, tại biên bản ghi lời khai ngày 29/11/2023 ông M thừa nhận ông và bà P có vay của bà T số tiền vốn 120.000.000 đồng, thừa nhận chữ ký và họ tên trong giấy chứng nhận ngày 16/02/2021 là chữ ký của ông và bà P. Ông thừa nhận ông và bà P còn nợ bà T tiền vốn gốc 120.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà T xác định quá trình giải quyết vụ án, ông M, bà P đã trả cho bà được 4.000.000 đồng, còn nợ lại 116.000.000 đồng. Do đó, có đủ căn cứ xác định ông M và bà P còn nợ bà T tiền vốn gốc 116.000.000 đồng nên yêu cầu của bà T là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất: Bà T yêu cầu Tòa án buộc ông M, bà P phải trả lãi suất 20%/năm tính từ ngày 16/02/2021 đến khi xét xử trên số tiền vốn 116.000.000 đồng và đồng ý khấu trừ 21.000.000 đồng tiền lãi đã đóng. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông M thừa nhận ông và bà P vay tiền của bà T vào ngày 16/02/2021 đã đóng lãi được 06 tháng với số tiền 21.000.000 đồng thì ngưng. Việc ông M, bà P ngưng đóng lãi đã ảnh hưởng quyền lợi của bà T. Do đó, yêu cầu tính lãi của bà T là có căn cứ: Từ ngày 21/02/2021 đến ngày 12/3/2024 là 03 năm 25 ngày $\times$ 20%/năm $\times$ 116.000.000 đồng = 73.372.000 đồng. Khấu trừ lại 21.000.000 đồng ông M bà P đã đóng: 73.372.000 đồng – 21.000.000 đồng = 52.372.000 đồng.

Như vậy, ông M, bà P phải có nghĩa vụ trả cho bà T tổng cộng vốn lãi: 116.000.000 đồng + 52.372.000 đồng = 168.372.000 đồng

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông M và bà P phải chịu 168.372.000 đồng $\times$ 5% = 8.418.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Anh T.

Buộc ông Đoàn Văn M, bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê

Thị Anh T tổng số tiền 168.372.000 (một trăm sáu mươi tám triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn) đồng; trong đó, nợ gốc là 116.000.000 đồng, nợ lãi 52.372.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Về án phí: Ông Đoàn Văn M, bà Nguyễn Thị P phải liên đới chịu 8.418.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho bà T 4.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008559 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).